

Số: 2082/TB-GDĐT

Cần Giờ, ngày 06 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO

Về danh sách học sinh dự thi Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố Năm học 2019 - 2020

Căn cứ Công văn số 3608/GDĐT-TrH ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về tổ chức thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố năm học 2019-2020;

Căn cứ kết quả Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện năm học 2019-2020 khóa ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách học sinh dự thi Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố năm học 2019-2020 như sau:

- Thông báo cho những học sinh dự thi Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố năm học 2019-2020 theo danh sách đính kèm.

- Hiệu trưởng các trường chỉ đạo giáo viên các bộ môn có học sinh dự thi Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Thành phố năm học 2019-2020 tiếp tục bồi dưỡng, ôn tập cho học sinh theo định mức, thời lượng được quy định. Giáo viên phải có hồ sơ bồi dưỡng, ôn tập đầy đủ (kế hoạch giảng dạy, tài liệu, đề thi, ...) nhằm nâng cao hiệu quả cộng tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Thời gian thi: thứ ba, ngày 10 tháng 3 năm 2020, học sinh có mặt tại Hội đồng thi lúc 7 giờ (Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ có kế hoạch đưa học sinh dự thi).

- Địa điểm thi:

+ Các môn Lịch sử, Địa lý, tiếng Anh thi tại Trường THCS Trần Văn Ôn (số 161B Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1).

+ Các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học thi tại Trường THCS Minh Đức (số 75 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1).

+ Các môn Ngữ văn, Toán, Tin học thi tại Trường THCS Huỳnh Khương Ninh (số 61 Huỳnh Khương Ninh, phường Đa Kao, Quận 1).

Đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT: TP, PTP (THCS), các thành viên tổ THCS;
- Các trường THCS;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Trần Thị Hoàng Mai



DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ

Năm học 2019-2020

(Kế hoạch Thông báo số 2082/TB-GDDT ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

ST T	Môn	Trường	Họ	Tên	GT	lớp	Ngày	Tháng	Năm
1	Địa lý	THCS Bình Khánh	PHAN KIM	HOÀNG	Nữ	9A1	6	4	2005
2	Hóa học	THCS Doi Lầu	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	Nữ	9.2	18	2	2005
3	Hóa học	THCS Bình Khánh	TÔ NGỌC YẾN	NHI	Nữ	9A1	18	4	2005
4	Hóa học	THCS Bình Khánh	NGUYỄN TẤN	PHÚC	Nam	9A4	19	10	2005
5	Hóa học	THCS Long Hoà	HỒ ĐÌNH	KHOA	Nam	9/1	28	5	2005
6	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	BÙI NGUYỄN ĐÌNH	KHÔI	Nam	9.1	10	3	2005
7	Lịch sử	THCS và THPT Thạnh An	Nguyễn Lê Như	Ý	Nữ	9/2	1	3	2005
8	Lịch sử	THCS Bình Khánh	TRẦN QUỐC	TÚ	Nam	9A1	19	3	2005
9	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	HUỖNH TRẦN MỸ	HẠNH	Nữ	9.4	25	7	2005
10	Lịch sử	THCS An Thới Đông	ĐẶNG THÀNH	LỢI	Nam	9/4	9	1	2005
11	Lịch sử	THCS Tam Thôn Hiệp	PHAN THANH	NHÃ	Nữ	9.3	2	3	2005
12	Lịch sử	THCS Bình Khánh	HUỖNH PHƯỚC	ĐỨC	Nam	9A1	30	10	2005
13	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN QUỐC	KHANH	Nam	9.4	17	12	2004
14	Lịch sử	THCS Bình Khánh	NGUYỄN VÕ TUYẾT	LINH	Nữ	9A6	28	6	2005
15	Sinh học	THCS Doi Lầu	Mai Thị Kim	Ngân	Nữ	9.2	14	1	2005
16	Sinh học	THCS Tam Thôn Hiệp	PHAN HOÀNG	HIỆP	Nam	9.1	9	8	2005
17	Sinh học	THCS Tam Thôn Hiệp	ĐÌNH THỊ	XUÂN	Nữ	9.1	10	2	2005
18	Sinh học	THCS Doi Lầu	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	9.2	28	8	2005
19	Sinh học	THCS Bình Khánh	TRẦN HÀ LAN	ANH	Nữ	9A1	11	1	2005
20	Sinh học	THCS Tam Thôn Hiệp	TRẦN THỊ TUYẾT	MAI	Nữ	9.1	24	9	2005
21	Sinh học	THCS Long Hoà	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	9/3	20	12	2005
22	Sinh học	THCS Tam Thôn Hiệp	DƯƠNG THỊ NGỌC	BÍCH	Nữ	9.1	9	10	2005
23	Sinh học	THCS Bình Khánh	NGUYỄN DƯƠNG THÁI	BẢO	Nam	9A3	5	5	2005
24	Sinh học	THCS Cần Thạnh	TRẦN DƯƠNG HẠNH	MỸ	Nữ	9.5	4	12	2005
25	Sinh học	THCS Lý Nhơn	LÊ HUỖNH THANH	PHƯƠNG	Nam	9/2	24	10	2005
26	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	ĐẶNG TUYẾT	NGÂN	Nữ	9.5	12	4	2005
27	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	Nam	9A1	12	6	2005
28	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN QUỐC	XANH	Nam	9A1	2	8	2005
29	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	TRẦN BẢO TRÚC	MY	Nữ	9.5	5	9	2005
30	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	9.5	9	11	2005
31	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	BÙI THỊ MINH	NGỌC	Nữ	9A1	14	6	2005
32	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN LÊ HỒNG	NGỌC	Nữ	9A1	10	8	2005
33	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	HỒ THANH	HOÀ	Nam	9A1	19	10	2005
34	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	LÊ NGUYỄN GIA	HUỖNG	Nam	9A1	26	4	2005
35	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	VŨ THY	HÀO	Nữ	9A1	11	7	2005
36	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	TRẦN GIA	NGHI	Nữ	9A1	24	5	2005
37	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN NGỌC LIÊN	CHI	Nữ	9.5	26	2	2005
38	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	VY	Nữ	9A1	12	10	2005
39	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	Nữ	9.5	16	3	2005
40	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	VÕ GIA	HUY	Nam	9A7	3	6	2005
41	Tin học	THCS Doi Lầu	Văn Thị Ngọc	Yến	Nữ	9.1	30	7	2005
42	Tin học	THCS Cần Thạnh	LÊ HỒNG TÂM	THU	Nữ	9.5	3	12	2005
43	Tin học	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	Nữ	9A4	18	1	2005
44	Tin học	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN LÊ THANH	THẢO	Nữ	9.5	4	7	2005

ST T	Môn	Trường	Họ	Tên	GT	lớp	Ngày	Tháng	Năm
45	Tin học	THCS Bình Khánh	VÕ CHÍ	THUẬN	Nam	9A3	2	1	2005
46	Tin học	THCS Cần Thạnh	TRƯƠNG QUỲNH	ANH	Nữ	9.5	1	1	2005
47	Toán	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THANH	BÌNH	Nam	9A1	3	12	2005
48	Toán	THCS Dơi Lâu	Trần Thị Thanh	Loan	Nữ	9.1	16	10	2005
49	Văn	THCS An Thới Đông	BÙI HẢI QUỲNH	ANH	Nữ	9/3	4	9	2005
50	Văn	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYÊN	Nữ	9A1	19	6	2005
51	Văn	THCS An Thới Đông	NGÔ YẾN	NHI	Nữ	9/1	11	12	2005
52	Văn	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	Nữ	9A1	29	3	2005
53	Văn	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆU	Nữ	9.1	14	9	2005
54	Văn	THCS An Thới Đông	TRẦN BẠCH TUYẾT	NGHI	Nữ	9/1	18	7	2005
55	Văn	THCS Lý Nhơn	HUỲNH THỊ HỒNG	THU	Nữ	9/3	15	3	2005
56	Văn	THCS An Thới Đông	TRẦN THỊ ANH	THU	Nữ	9/1	8	1	2005
57	Văn	THCS Long Hoà	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	9/1	11	7	2005
58	Văn	THCS An Thới Đông	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	Nữ	9/3	12	10	2004
59	Văn	THCS An Thới Đông	BÙI NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	9/1	19	4	2005
60	Văn	THCS An Thới Đông	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	Nữ	9/2	24	4	2005
61	Văn	THCS Long Hoà	LÊ HỒNG PHÚC	HẬU	Nam	9/2	3	11	2005
62	Vật lý	THCS Bình Khánh	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	Nữ	9A1	13	11	2005
63	Vật lý	THCS Lý Nhơn	PHẠM THỊ KIỀU	NHƯ	Nữ	9/1	13	5	2005
64	Vật lý	THCS Long Hoà	NGUYỄN LÝ ĐÌNH	LUÂN	Nam	9/2	13	9	2005
65	Vật lý	THCS Lý Nhơn	NGUYỄN HUỲNH KHOA	NHƯ	Nữ	9/1	31	10	2005
66	Vật lý	THCS Long Hoà	BÙI DƯƠNG TẤN	TÀI	Nam	9/3	6	6	2005
67	Vật lý	THCS Long Hoà	BÙI THỊ ÁNH	TUYẾT	Nữ	9/3	17	6	2005

Danh sách này có 67 học sinh./.